

Số: 1745/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao¹, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tháng 02 năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2025, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thống nhất đánh giá công tác cải cách TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) là một trong những nội dung tiếp tục được thực hiện hiệu quả; đồng thời, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2025² với 03 nhóm nhiệm vụ: (i) Cải cách các quy định TTHC, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, (ii) Đổi mới việc thực hiện, giải quyết TTHC, cung cấp DVC phục vụ người dân, doanh nghiệp, (iii) Chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử gắn với cải cách TTHC; tổ chức thực hiện theo hình thức trực tuyến đối với các TTHC liên quan đến doanh nghiệp bảo đảm thông suốt, liền mạch, minh bạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ³.

Bên cạnh đó, ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại Phiên họp tổng kết hoạt động Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chuyển trạng thái cung cấp dịch vụ công từ “xin - cho” sang trạng thái “chủ động - phục vụ”; đẩy mạnh xóa bỏ các TTHC không cần thiết; nâng cao chất lượng DVCTT toàn trình hướng tới dịch vụ số cá nhân hóa, không phụ thuộc địa giới hành chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC, áp dụng chính sách thu phí không đồng để thu hút người dân thực hiện dịch

¹ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 09/01/2024 của Chính phủ; Công điện số 644/CD-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

² Ban hành kèm theo Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 07/02/2025 của Chính phủ.

vụ công trực tuyến⁴. Mặt khác, để bảo đảm việc thực hiện TTHC liên tục, thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung triển khai ngay một số nhiệm vụ khi thực hiện phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy dẫn đến thay đổi quy định về TTHC⁵.

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Kết quả kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

- Các bộ, ngành, địa phương đã đánh giá tác động **40** TTHC tại **16** dự thảo VBQPPL⁶, thực hiện thẩm định **110** TTHC quy định tại **51** dự thảo VBQPPL⁷. Văn phòng Chính phủ đã thực hiện thẩm tra đối với **147** TTHC và **19** quy định kinh doanh (QĐKD) tại **17** dự thảo Nghị định, trong đó, đề nghị bãi bỏ **03** TTHC, sửa đổi, bổ sung **89** TTHC và **5** QĐKD, chiếm **58,43%** (*97/166 TTHC, QĐKD*).

- Có 13 bộ, cơ quan⁸ ban hành mới **73** TTHC, sửa đổi, bổ sung **215** TTHC và bãi bỏ **99** TTHC quy định tại **22** VBQPPL thuộc phạm vi quản lý; có 02 địa phương⁹ ban hành mới **11** TTHC và bãi bỏ **04** TTHC quy định tại **03** VBQPPL thuộc thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục I*).

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC:

(1) *Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:*

Tính từ năm 2021 đến nay, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **3.199/15.763** QĐKD (*Gồm: 1.736 TTHC, 229 yêu cầu điều kiện, 101 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành*) tại **272** VBQPPL, đạt **20,3%**¹⁰ (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

(2) *Kết quả phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:*

Trong tháng, có 03 Bộ (*Công Thương, Tư pháp, Y tế*) đã trình cấp có thẩm quyền ban hành 03 VBQPPL và ban hành theo thẩm quyền 02 Thông tư để thực thi phương án phân cấp **12** TTHC (*11 TTHC phân cấp từ cấp trên xuống cấp dưới và 01 TTHC phân cấp trong nội bộ cơ quan, đơn vị*), nâng tổng số TTHC được các bộ, cơ quan phân cấp trong 2 tháng đầu năm 2025 là **36** TTHC tại 18 VBQPPL. Tính từ năm 2022 đến nay, các bộ, cơ quan đã phân cấp được **388/699** TTHC tại **99** VBQPPL¹¹

⁴ Thông báo số 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025 của Văn phòng Chính phủ.

⁵ Văn bản số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

⁶ Gồm: 01 dự thảo Luật, 03 dự thảo Nghị định, 08 dự thảo Thông tư, 04 dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh.

⁷ Gồm: 03 dự thảo Luật, 14 dự thảo Nghị định, 01 dự thảo Quyết định của TTgCP, 05 Thông tư, 06 dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh và 22 dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

⁸ 13 bộ, cơ quan gồm: Công an, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

⁹ 02 địa phương gồm: Tp Huế và Tuyên Quang.

¹⁰ Gồm: 20 Luật, 78 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 168 Thông tư và 02 văn bản khác

¹¹ Gồm: 02 Luật, 31 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 41 Thông tư.

(đạt 56%). Trong đó, **04** bộ, cơ quan¹² đã thực hiện phân cấp đạt 100%, **08** bộ¹³ đạt từ 50% trở lên, **07** bộ¹⁴ đạt dưới 50% và **02** Bộ (*Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao*) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **311** TTHC tại **111** VBQPPL¹⁵ (*Chi tiết tại Phụ lục III*).

(3) *Kết quả đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:*

Trong tháng, Ủy ban Dân tộc công bố bổ sung **22** TTHC nhóm B; 03 bộ, cơ quan¹⁶ đã trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền để thực thi phương án đơn giản hóa **44** TTHC nội bộ (*Gồm: 06 TTHC nhóm A và 38 TTHC nhóm B*). Tính đến nay, tổng số TTHC nội bộ được các bộ, cơ quan công bố là **2.321** TTHC (*Chi tiết tại Phụ lục IV*).

Đối với các địa phương, trên cơ sở hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, nhiều địa phương đã công bố bổ sung TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết; đồng thời, ban hành quyết định phê duyệt phương án và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ.

(4) *Kết quả thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:*

Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định¹⁷ để thực thi phương án đơn giản hóa **59** TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, nâng tổng số TTHC được các bộ, cơ quan thực thi phương án trong 2 tháng đầu năm 2025 là **66** TTHC tại **04** VBQPPL. Tính đến nay, tổng số TTHC được các bộ, cơ quan thực thi phương án là **964/1084** TTHC, đạt **89%**; trong đó, có **08** bộ, cơ quan¹⁸ hoàn thành 100%, **10** bộ, cơ quan đạt trên 50%¹⁹, Bộ Tài chính mới đạt 45%. Còn **120** TTHC cần phải tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 14 Nghị định, 26 Thông tư, Thông tư liên tịch (*Chi tiết tại Phụ lục V*).

(5) *Kết quả thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ:*

Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định²⁰ để đơn giản hóa **08** TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp (07 TTHC thuộc lĩnh vực tư pháp và 01 TTHC thuộc lĩnh vực ngoại giao). Tính từ tháng 7 năm 2024 đến nay, tổng số TTHC

¹² 04 bộ, cơ quan gồm: Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc.

¹³ 08 bộ gồm: Nội vụ, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Y tế.

¹⁴ 08 bộ gồm: Công Thương, Tài chính, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

¹⁵ Gồm: 33 Luật, 36 Nghị định, 05 QĐ của TTgCP, 40 Thông tư, TTLT và 01 văn bản khác.

¹⁶ Gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

¹⁷ Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 và Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.

¹⁸ 08 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

¹⁹ 10 bộ, ngành gồm: Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng.

²⁰ Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 và Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.

liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp được cắt giảm, đơn giản hóa là **13/108** TTHC, đạt 12%. Còn 95 TTHC tại 35 VBQPPL cần phải tiếp tục thực thi (*Chi tiết tại Phụ lục VI*).

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

Theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG tại thời điểm ngày 25 tháng 02 năm 2025, các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, DVCTT tại các bộ, ngành, địa phương, cụ thể như sau:

a) Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC:

- Tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn tại các bộ, ngành đạt **79,38%** và tại các địa phương đạt **60,84%**.

- Tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC tại các bộ, ngành đạt **44%** ($2.474.320/5.619.080$ hồ sơ) và tại các địa phương đạt **72,12%** ($2.090.919/2.899.140$ hồ sơ).

b) Kết quả tiến độ, kết quả giải quyết TTHC:

Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý đúng hoặc trước hạn tính trên số lượng hồ sơ được đồng bộ trên Cổng DVCQG tại các bộ, ngành đạt **14,89%** ($368.426/2.658.432$ hồ sơ) và tại các địa phương đạt **85,38%** ($1.785.227/2.090.919$ hồ sơ). So với thời điểm cùng kỳ năm 2024, tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hoặc trước hạn tại các bộ, ngành tăng 10,81% và tại các địa phương tăng 7,57%.

c) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt **58,93%** ($1.468.528/2.658.432$ hồ sơ) và tại các địa phương đạt **51,27%** ($1.072.014/2.090.919$ hồ sơ). So với thời điểm cùng kỳ năm 2024, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành tăng 50,04% và tại các địa phương tăng 36,69%.

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 44,65% ($142/318$ TTHC) và tại các địa phương đạt 77,56% ($681/878$ TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 47,61% ($108.905/228.747$ hồ sơ) và tại các địa phương đạt 61,79% ($1.106.668/1.791.131$ hồ sơ).

d) Kết quả số hóa hồ sơ, giải quyết TTHC:

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt **55,93%** ($1.505.069/2.691.002$ hồ sơ) và tại các địa phương đạt **62,61%** ($1.309.124/2.090.919$ hồ sơ). So với thời điểm cùng kỳ năm 2024, tỷ lệ số hóa tại các bộ, ngành tăng 5,2% và tại các địa phương tăng 10,54%.

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 58,56% ($1.575.732$ kết quả giải quyết TTHC/ $2.691.002$ kết quả cần cấp) và tại các địa phương đạt 65,11% ($1.361.397$ kết quả giải quyết TTHC/ $2.090.919$ kết quả cần cấp); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 1,5% ($40.497/2.691.002$ hồ sơ) và tại các địa phương đạt 29,91% ($648.726/2.168.926$ hồ sơ).

4. Về triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Thực hiện nhiệm vụ được giao về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh²¹, đến nay, 05/05 địa phương (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh) đã thông qua Nghị quyết về việc thí điểm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công và 04/05 địa phương đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm phục vụ hành chính công (Tp. Hồ Chí Minh chưa ban hành).

5. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

a) *Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính:*

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận **12.406** PAKN về quy định và hành vi hành chính (chưa bao gồm 22.360 PAKN từ tháng 01/2025 chuyển sang). Trong đó, nội dung PAKN chủ yếu về Hồ sơ liên thông (khai sinh, thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi), đăng ký xe lắp ráp trong nước, chậm trả giấy phép lái xe,... So với cùng kỳ năm 2024, số lượng PAKN tiếp nhận trong tháng tăng 9.436 PAKN. Đến nay, các bộ, ngành, địa phương đã xem xét, trả lời **10.642/34.766** PAKN, đạt **30,61%**, trong đó, có 31 PAKN trả lời quá hạn. Số PAKN còn tiếp tục xem xét, xử lý chuyển sang tháng sau là 24.124 PAKN (Chi tiết tại Phụ lục VII).

b) *Kết quả xử lý những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng:*

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất, kiến nghị cụ thể của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 01 và tháng 02 năm 2025, Văn phòng Chính phủ đã nghiên cứu và trả lời đối với những đề xuất, kiến nghị theo thẩm quyền (Chi tiết tại Phụ lục VIII); đồng thời, tổng hợp, gửi các bộ, cơ quan nghiên cứu, trả lời các đề xuất, kiến nghị thuộc thẩm quyền (Chi tiết tại Phụ lục IX).

6. Công tác truyền thông về cải cách TTHC

Trong tháng, các cơ quan thông tấn, báo chí đã tích cực, chủ động thực hiện các tin, bài, phóng sự... về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh²²; đồng thời, phản ánh những vướng mắc trong thực hiện các cơ chế, chính sách, TTHC để các bộ, cơ quan, địa phương kịp thời có giải pháp tháo gỡ²³.

Bên cạnh đó, Thông tấn xã Việt Nam đã mở dòng sự kiện “Cải cách hành chính”, “Chuyển đổi số quốc gia” trên Báo điện tử VietnamPlus; duy trì thông tin đa

²¹ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ.

²² Trong tháng, Thông tấn xã Việt Nam đã thực hiện 539 tin, bài, ảnh và videoclip tuyên truyền. Trong đó, một số tin, bài nổi bật như: Thông tin về Phiên họp thứ 9 của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ; Phiên họp lần thứ 10 trực tuyến toàn quốc của UBQG chuyển đổi số; Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2025;...

²³ Một số tin, bài như: Kiểm soát quyền lực trong xây dựng và thi hành VBQPPL; Ngành Công thương siết chặt quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới; Ngành Thuế tăng cường chống gian lận hóa đơn;...

dạng, sinh động chuyên mục “Chính sách và Cuộc sống”, “Chính phủ với người dân” góp phần đưa nội dung về cải cách TTHC đến gần hơn với người dân, doanh nghiệp.

Văn phòng Chính phủ đã kịp thời cung cấp thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC,... để các cơ quan thông tấn, báo chí theo dõi, cập nhật và đưa tin, bài về tình hình, kết quả trong công tác này.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

Trong tháng, trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ về cải cách TTHC ngay từ những tháng đầu năm 2025, phần đầu hoàn thành thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, DVCTT tại các bộ, ngành, địa phương đều tăng so với thời điểm cùng kỳ năm 2024.

Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ đã chủ động, kịp thời tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp nhằm gắn kết chặt chẽ cải cách TTHC với việc kiện toàn tổ chức bộ máy bảo đảm công khai, minh bạch, chuyên nghiệp và bảo đảm việc giải quyết TTHC thông suốt, không bị gián đoạn theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách TTHC vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

(1) Một số bộ, ngành chưa ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025²⁴, làm ảnh hưởng đến việc tổ chức triển khai công tác này tại bộ, địa phương.

Một số bộ, ngành chậm công bố, công khai TTHC hoặc công bố, công khai TTHC chưa đầy đủ so với quy định, làm ảnh hưởng đến việc công bố danh mục TTHC tại các địa phương²⁵.

(2) Nhiều phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, QĐKD đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chậm được thực thi. Tính đến nay, 02 Bộ (*Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao*) chưa thực hiện phân cấp TTHC; 03 Bộ (*Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường*) chưa trình phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên; 09/12 bộ, cơ quan²⁶ chưa thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp.

²⁴ Gồm 03 Bộ: Ngoại giao, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; 02 địa phương: Hậu Giang, Ninh Thuận.

²⁵ Theo phản ánh của các địa phương (*Bình Phước, Cà Mau, Lai Châu, Quảng Bình,...*) tại Báo cáo tháng 02/2025, trong tháng 01 và 02/2025, một số bộ, cơ quan chậm công bố, công khai TTHC, hoặc công bố chưa đầy đủ so với quy định, như: Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương,...

²⁶ Gồm các bộ, cơ quan: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động, TB và XH, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa, TT và DL, Xây dựng và NH Nhà nước VN.

(3) Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng kết quả đã được số hóa còn thấp, nhất là đối với các bộ, ngành²⁷.

(4) Kết quả xem xét, xử lý PAKN về những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC cho người dân, doanh nghiệp vẫn còn thấp, để tồn tại nhiều PAKN chưa được xử lý.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách TTHC tại một số bộ, ngành, địa phương trong một số nhiệm vụ cụ thể vẫn chưa thực sự quyết liệt; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ; một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao; một số hệ thống, hạ tầng công nghệ thông tin chưa được quan tâm đầu tư, nâng cấp kịp thời...

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THÁNG 03 NĂM 2025

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Văn bản số 219/TTg-KSTT ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

2. Tiếp tục công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin về TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; đồng thời, khẩn trương công bố đầy đủ TTHC nội bộ theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và rà soát, đơn giản hóa bảo đảm mục tiêu, yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022. Rà soát, xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền sửa đổi các VBQPPL theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản để cắt giảm, đơn giản hoá QĐKD, TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư và phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC theo các phương án đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Tổ chức hiệu quả, khoa học, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại 05 địa phương (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh). Tp. Hồ Chí Minh khẩn trương ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm phục vụ hành chính công.

4. Tiếp tục làm tốt công tác tiếp nhận và xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Đặc biệt, khẩn trương xem xét, trả lời dứt điểm những PAKN còn tồn tại, đã quá hạn xử lý.

²⁷ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 1,5% và tại các địa phương đạt 29,91%.

5. Tích cực đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác cải cách TTHC tạo sự đồng thuận trong xã hội để người dân, cộng đồng doanh nghiệp biết và đồng hành cùng Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để thúc đẩy công tác cải cách TTHC trong thời gian tới, Văn phòng Chính phủ kiến nghị:

1. Trên cơ sở Kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp ngày 03 tháng 3 năm 2025, Văn phòng Chính phủ đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết mới của Chính phủ về tập trung rà soát, cắt giảm TTHC theo các chỉ tiêu tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, để giảm phiền hà, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2025.

2. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu tại Mục II và tập trung triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm nêu tại Mục III của Báo cáo này.

3. Các bộ, cơ quan có liên quan khẩn trương xem xét, trả lời đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền nêu tại Phụ lục IX kèm theo Báo cáo này và các Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng do Văn phòng Chính phủ tổng hợp; đồng thời, gửi kết quả về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả công tác cải cách TTHC tháng 02 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2025, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ/

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thành viên Tổ công tác cải cách TTHC;
- Thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC;
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg,
- các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC, CN,
- NN, ĐMDN, TCCV, TCCB;
- Lưu: VT, KSTT (2b).



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 51 /SY-UBND

SAO Y

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Nơi nhận: (VBĐT)

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, PT, NgM.

TL.CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thanh Hà

DANH MỤC PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2025
của Văn phòng Chính phủ)

Phụ lục I: Kết quả ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ TTHC tại các bộ, ngành, địa phương tháng 02 năm 2025.

Phụ lục II: Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ tháng 02 năm 2025.

Phụ lục III: Kết quả phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ tháng 02 năm 2025.

Phụ lục IV: Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ tại các bộ, ngành theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ tháng 02 năm 2025.

Phụ lục V: Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo 19 Nghị quyết của Chính phủ tháng 02 năm 2025.

Phụ lục VI: Kết quả thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ tháng 02 năm 2025.

Phụ lục VII: Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại các bộ, ngành, địa phương tháng 02 năm 2025.

Phụ lục VIII: Tổng hợp trả lời đối với những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tháng 01 và tháng 02 năm 2025.

Phụ lục IX: Tổng hợp đề xuất, kiến nghị đối với các bộ, ngành tháng 02 năm 2025.

Phụ lục I

KẾT QUẢ BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

HOẶC BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

THÁNG 02 NĂM 2025

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số lượng quyết định công bố TTHC	Số lượng văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC ban hành đã được công bố, công khai				Ghi chú
				TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6=(3+4+5)	C
	BỘ, NGÀNH	22	22	73	215	99	387	
1	Bộ Công an	2	2	38	35	35	108	
2	Bộ Công Thương	1	1	3	0	0	3	
3	Bộ Giao thông vận tải	1	1	0	10	0	10	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	2	1	5	0	6	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1	3	3	0	0	3	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	2	2	6	15	0	21	
7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển NT	1	1	0	0	1	1	
8	Bộ Tài chính	2	2	5	28	16	49	
9	Bộ Tư pháp	4	2	2	76	1	79	
10	Bộ Y tế	1	1	0	25	0	25	
11	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2	2	1	6	1	8	
12	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	1	1		15		15	
13	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	2	2	14	0	45	59	
	ĐỊA PHƯƠNG	3	3	11	0	4	15	
1	UBND Thành phố Huế	2	2	9	0	4	13	
2	UBND tỉnh Tuyên Quang	1	1	2	0	0	2	

Phụ lục II
KẾT QUẢ CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH KINH DOANH
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP NGÀY 12/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ
THÁNG 02 NĂM 2025

Số TT	Đơn vị thực hiện	Số liệu trong tháng báo cáo		Cộng đã cắt giảm, ĐGH từ tháng 01 đến tháng 02/2025							Tổng cộng đã cắt giảm, ĐGH từ năm 2021 đến tháng 02/2025						
		Số lượng QĐKD	Số lượng văn bản	Số lượng QĐKD	Trong đó:					Số lượng văn bản	Số lượng QĐKD	Trong đó:					Số lượng văn bản
					TTHC	YC ĐK	CĐ BC	TC, QC	KT CN			TTHC	YC ĐK	CĐ BC	TC, QC	KT CN	
A	B	1	7	13	2	3	4	5	6		14	2	3	4	5	6	
	Tổng cộng:	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>4</u>	<u>4</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>1</u>	<u>3.199</u>	<u>1.736</u>	<u>229</u>	<u>101</u>	<u>164</u>	<u>969</u>	<u>272</u>
1	Bộ Công an	0	0	0							34	32	2	0	0	0	2
2	Bộ Công Thương	0	0	0							30	17	13	0	0	0	4
3	Bộ Giao thông vận tải	0	0	0							303	216	35	0	1	51	46
4	Bộ Giáo dục và Đ.tạo	0	0	0							150	99	37	9	5	0	28
5	Bộ Kế hoạch và Đ.tư	0	0	0							163	150	2	11	0	0	17
6	Bộ Khoa học và CN	0	0	0							99	86	12	0	0	1	7
7	Bộ Lao động - TB và XH	0	0	0							134	66	19	0	0	49	8
8	Bộ Nội vụ	0	0	0							5	2	3	0	0	0	1
9	Bộ Nông nghiệp và PTNT	0	0	0							419	37	1	0	147	234	15
10	Bộ Quốc phòng	0	0	4	4	0	0	0	0	1	15	15	0	0	0	0	3
11	Bộ Tài chính	0	0	0							262	236	4	22	0	0	34
12	Bộ Tài nguyên và MT	0	0	0							137	128	9	0	0	0	10
13	Bộ Thông tin và Tr.thông	0	0	0							268	176	2	31	10	49	25
14	Bộ Tư pháp	0	0	0							51	46	3	2	0	0	5
15	Bộ Văn hóa, TT và DL	0	0	0							55	55	0	0	0	0	5
16	Bộ Xây dựng	0	0	0							153	55	77	20	1	0	14
17	Bộ Y tế	0	0	0							785	197	3	0	0	585	20
18	Ngân hàng NN Việt Nam	0	0	0							136	123	7	6	0	0	28

Phụ lục III
KẾT QUẢ PHÂN CẤP TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 1015/QĐ-TTg NGÀY 30/8/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 02 NĂM 2025

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC đã được phê duyệt PA phân cấp	Số TTHC đã thực thi phương án phân cấp						Số còn tiếp tục phải thực thi phương án phân cấp						
			Trong tháng báo cáo			Cộng từ tháng 01 đến tháng 02/2025	Tổng cộng từ năm 2022 đến tháng 02/2025		Số TTHC	Số lượng VB còn tiếp tục sửa đổi, bổ sung, thay thế					
			Tổng số	Từ cấp trên xuống cấp dưới	Trong nội bộ của bộ, cơ quan		Tổng số	Tỷ lệ %		Luật, P.lệnh	Nghị định	QĐ TTgCP	T.tư/ TTLT	Khác	+
A	B	1	2=(3+4)	3	4	5	6	7=(6/1)	8=(1-6)	9	10	11	12	13	14
Tổng cộng:		699	12	11	1	36	388	56%	311	31	35	5	39	1	111
1	Bộ Công an	49	0			0	49	100%	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngân hàng NN Việt Nam	20	0			0	20	100%	0	0	0	0	0	0	0
3	Thanh tra Chính phủ	3	0			0	3	100%	0	0	0	0	0	0	0
4	Ủy ban dân tộc	2	0			0	2	100%	0	0	0	0	0	0	0
5	Bộ Nội vụ	55	0			0	48	87%	7	0	0	0	1	0	1
6	Bộ Quốc phòng	40	0			0	33	83%	7	0	1	0	1	0	2
7	Bộ Giao thông vận tải	58	0			0	48	83%	10	10	0	0	0	0	10
8	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	26	0			0	19	73%	7	0	2	0	0	0	2
9	Bộ Lao động - TB và XH	3	0			0	2	67%	1	1	0	0	0	0	1
10	Bộ Xây dựng	15	0			0	10	67%	5	0	4	0	0	0	4
11	Bộ Tài nguyên và MT	36	0			0	23	64%	13	1	2	0	0	0	3
12	Bộ Y tế	69	1	1	0	25	38	55%	31	0	2	0	5	0	7
13	Bộ Công Thương	45	9	9	0	9	22	49%	23	0	5	0	3	1	9
14	Bộ Văn hóa, T.thao và DL	25	0			0	11	44%	14	4	1	0	0	0	5
15	Bộ Thông tin và Tr.thông	66	0			0	23	35%	43	2	4	2	4	0	12
16	Bộ Giáo dục và Đào tạo	19	0			0	6	32%	13	0	4	0	7	0	11
17	Bộ Nông nghiệp và PTNT	49	0			0	15	31%	34	3	1	1	1	0	6
18	Bộ Tài chính	46	0			0	13	28%	33	2	2	1	12	0	17
19	Bộ Tư pháp	59	2	1	1	2	3	5%	56	7	5	0	5	0	17
20	Bộ Khoa học và C.ngệ	12	0			0	0	0%	12	1	2	0	0	0	3
21	Bộ Ngoại giao	2	0			0	0	0%	2	0	0	1	0	0	1

Phụ lục V

KẾT QUẢ THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC, GIẤY TỜ CÔNG DÂN
LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DÂN CƯ THEO 19 NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ
THÁNG 02 NĂM 2025

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC phải thực thi phương án ĐGH	Số liệu đã thực thi phương án ĐGH				Số còn tiếp tục phải thực thi PA ĐGH				
			Trong tháng báo cáo	Cộng từ tháng 01 đến tháng 02/2025	Tổng cộng đã thực thi đến tháng 02/2025		Số TTHC	Số VB còn tiếp tục sửa đổi, bổ sung, thay thế			
					Tổng số	Tỷ lệ %		Luật, P.lệnh	Nghị định	QĐ của TTgCP	T.tư/ TTLT
A	B	1	2	3	4	5=(4/1)%	6=(1-4)	7	8	9	10
Tổng cộng:		1,084	59	66	964	89%	120	1	14	0	26
1	Bộ Công an	114	0	0	114	100%	0	0	0	0	0
2	Bộ Giao thông vận tải	76	0	0	76	100%	0	0	0	0	0
3	Bộ Khoa học và C.nghệ	13	0	0	13	100%	0	0	0	0	0
4	Bộ Lao động - T.bình và XH	60	0	0	60	100%	0	0	0	0	0
5	Bộ Nông nghiệp và PTNT	15	0	0	15	100%	0	0	0	0	0
6	Bộ Xây dựng	22	0	0	22	100%	0	0	0	0	0
7	Bảo hiểm XHVN	10	0	0	10	100%	0	0	0	0	0
8	Ngân hàng NN Việt Nam	30	0	0	30	100%	0	0	0	0	0
9	Bộ Tư pháp	108	59	59	105	97%	3	0	2	0	0
10	Bộ Giáo dục và Đào tạo	32	0	0	31	97%	1	0	0	0	1
11	Bộ Quốc phòng	52	0	0	50	96%	2	0	1	0	6
12	Bộ Công Thương	67	0	1	64	96%	3	0	2	0	0
13	Bộ Văn hóa, Thể thao và DL	119	0	0	112	94%	7	0	1	0	0
14	Bộ Tài nguyên và M.trường	28	0	0	26	93%	2	0	0	0	1
15	Bộ Y tế	73	0	6	68	93%	5	0	2	0	4
16	Bộ Ngoại giao	26	0	0	20	77%	6	0	1	0	1
17	Bộ Thông tin và T.thông	68	0	0	48	71%	20	1	2	0	8
18	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	100	0	0	68	68%	32	0	1	0	2
19	Bộ Tài chính	71	0	0	32	45%	39	0	2	0	3

Phụ lục VI

**KẾT QUẢ THỰC THI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 498/QĐ-TTg NGÀY 11/6/2024 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 02 NĂM 2025**

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số phải thực thi PA cắt giảm, ĐGH		Số đã thực thi phương án cắt giảm, ĐGH								Số còn tiếp tục phải thực thi PADGH				
				Trong tháng báo cáo				Tổng cộng đến tháng 02/2025								
				Số lượng TTHC	Số lượng VB	Số lượng TTHC	Số lượng VB đã sửa đổi, bổ sung				Số lượng TTHC		Số lượng VB	Số lượng TTHC	Số lượng văn bản phải sửa đổi, bổ sung	
		Luật	Nghị định				T.tư /TTLT	+	Tổng số	Tỷ lệ %	Luật	Nghị định			T.tư /TTLT	+
A	B	1	2	3	4							5	6	7	8	9
Tổng cộng:		108	40	8	0	2	0	2	13	12%	5	95	6	16	13	35
1	Bộ Nội vụ	2	1					0	2	100%	1	0	0	0	0	0
2	Bộ Y tế	2	1					0	2	100%	1	0	0	0	0	0
3	Bộ Tư pháp	32	12	7	0	2	0	2	8	25%	3	24	5	3	1	9
4	Bộ Công an	8	1					0	0	0%	0	8	0	1	0	1
5	Bộ Giao thông vận tải	2	1					0	0	0%	0	2	0	0	1	1
6	Bộ Khoa học và C.ng nghệ	3	1					0	0	0%	0	3	0	1	0	1
7	Bộ Lao động - TB và XH	13	7					0	0	0%	0	13	0	7	0	7
8	Bộ Quốc phòng	2	0					0	0	0%	0	2	0	0	0	0
9	Bộ Tài chính	17	2					0	0	0%	0	17	0	2	0	2
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	2	1					0	0	0%	0	2	1	0	0	1
11	Bộ Ngoại giao	2	0	1	0	0	0	0	1	50%	0	1	0	0	0	0
12	Bộ Văn hóa, T.thao và DL	2	1					0	0	0%	0	2	0	1	0	1
13	Bộ Xây dựng	2	1					0	0	0%	0	2	0	0	1	1
14	Ngân hàng NN Việt Nam	19	11					0	0	0%	0	19	0	1	10	11

Phụ lục VII

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
THÁNG 02 NĂM 2025**

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN đã tiếp nhận để xử lý			Số PAKN đã xử lý				Số PAKN còn tiếp tục xử lý chuyển tháng sau
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ % so với tổng số	
			Tháng 01/2025 chuyển sang	Tiếp nhận trong tháng		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1=(2+3)	2	3	4	5	6	7 = (4/1)	8 = (1-4)
Tổng cộng (I+II):		34.766	22.360	12.406	10.625	10.594	31	31%	24.141
I	BỘ, NGÀNH	32,003	21,591	10,412	9,010	8,994	16	28%	22,993
1	Bộ Công an	31,033	21,485	9,548	8,288	8,288	0	27%	22,745
2	Bộ Công Thương	3	0	3	1	1	0	33%	2
3	Bộ Giao thông vận tải	89	18	71	64	64	0	72%	25
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	9	6	3	9	9	0	100%	0
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	16	12	4	5	5	0	31%	11
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	55	18	37	41	34	7	75%	14
7	Bộ Lao động, TB và XH	0	0	0	0	0	0	-	0
8	Bộ Ngoại giao	1	0	1	1	1	0	100%	0
9	Bộ Nội vụ	0	0	0	0	0	0	-	0
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	1	0	1	1	1	0	100%	0
11	Bộ Quốc phòng	121	0	121	121	121	0	100%	0
12	Bộ Tài chính	513	0	513	377	377	0	73%	136
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0	0	0	0	0	0	-	0
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	0	0	0	0	0	0	-	0
15	Bộ Tư pháp	0	0	0	0	0	0	-	0
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và DL	9	0	9	3	3	0	33%	6
17	Bộ Xây dựng	18	0	18	14	14	0	78%	4
18	Bộ Y tế	9	5	4	9	0	9	100%	0
19	NH Nhà nước Việt Nam	1	0	1	0	0	0	0%	1
20	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	0	-	0
21	Ủy ban dân tộc	0	0	0	0	0	0	-	0
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	124	47	77	75	75	0	60%	49
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	0	1	1	1	0	100%	0
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	0	0	0	0	0	0	-	0
II	ĐỊA PHƯƠNG	2,763	769	1,994	1,615	1,600	15	58%	1,148
1	An Giang	41	0	41	41	41	0	100%	0
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	31	0	31	31	31	0	100%	0
3	Bắc Giang	15	0	15	15	15	0	100%	0
4	Bắc Kạn	3	0	3	0	0	0	0%	3
5	Bạc Liêu	11	0	11	11	11	0	100%	0
6	Bắc Ninh	57	14	43	42	42	0	74%	15
7	Bến Tre	10	0	10	10	10	0	100%	0
8	Bình Định	58	0	58	46	46	0	79%	12
9	Bình Dương	695	456	239	83	83	0	12%	612
10	Bình Phước	39	7	32	30	30	0	77%	9
11	Bình Thuận	38	19	19	14	14	0	37%	24

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN đã tiếp nhận để xử lý			Số PAKN đã xử lý				Số PAKN còn tiếp tục xử lý chuyển tháng sau
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ % so với tổng số	
			Tháng 01/2025 chuyển sang	Tiếp nhận trong tháng		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1=(2+3)	2	3	4	5	6	7 = (4/1)	8 = (1-4)
12	Cà Mau	3	0	3	3	3	0	100%	0
13	Cao Bằng	8	4	4	1	1	0	13%	7
14	Cần Thơ	55	11	44	55	42	13	100%	0
15	Đà Nẵng	100	16	84	58	56	2	58%	42
16	Đắk Lắk	58	10	48	50	50	0	86%	8
17	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	-	0
18	Điện Biên	2	2	0	2	2	0	100%	0
19	Đồng Nai	257	56	201	193	193	0	75%	64
20	Đồng Tháp	5	0	5	5	5	0	100%	0
21	Gia Lai	32	0	32	29	29	0	91%	3
22	Hà Giang	20	0	20	18	18	0	90%	2
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	-	0
24	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	-	0
25	Hà Tĩnh	16	0	16	12	12	0	75%	4
26	Hải Dương	10	0	10	5	5	0	50%	5
27	Hải Phòng	92	44	48	28	28	0	30%	64
28	Hậu Giang	20	3	17	12	12	0	60%	8
29	Hòa Bình	5	0	5	3	3	0	60%	2
30	Hưng Yên	12	11	1	2	2	0	17%	10
31	Khánh Hòa	71	16	55	61	61	0	86%	10
32	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	-	0
33	Kon Tum	3	3	0	3	3	0	100%	0
34	Lai Châu	3	1	2	0	0	0	0%	3
35	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	-	0
36	Lạng Sơn	40	7	33	19	19	0	48%	21
37	Lào Cai	1	0	1	1	1	0	100%	0
38	Long An	5	0	5	5	5	0	100%	0
39	Nam Định	49	0	49	49	49	0	100%	0
40	Nghệ An	163	0	163	163	163	0	100%	0
41	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	-	0
42	Ninh Thuận	23	7	16	18	18	0	78%	5
43	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	-	0
44	Phú Yên	33	0	33	27	27	0	82%	6
45	Quảng Bình	5	0	5	5	5	0	100%	0
46	Quảng Nam	24	6	18	15	15	0	63%	9
47	Quảng Ngãi	57	28	29	18	18	0	32%	39
48	Quảng Ninh	10	0	10	10	10	0	100%	0
49	Quảng Trị	25	0	25	25	25	0	100%	0
50	Sóc Trăng	11	0	11	2	2	0	18%	9
51	Sơn La	9	0	9	9	9	0	100%	0
52	Tây Ninh	59	3	56	30	30	0	51%	29
53	Thái Bình	16	8	8	9	9	0	56%	7
54	Thái Nguyên	19	8	11	15	15	0	79%	4

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN đã tiếp nhận để xử lý			Số PAKN đã xử lý				Số PAKN còn tiếp tục xử lý chuyển tháng sau
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ % so với tổng số	
			Tháng 01/2025 chuyển sang	Tiếp nhận trong tháng		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1=(2+3)	2	3	4	5	6	7 = (4/1)	8 = (1-4)
55	Thanh Hóa	111	23	88	82	82	0	74%	29
56	TP. Hồ Chí Minh	189	2	187	137	137	0	72%	52
57	Thừa Thiên - Huế	20	0	20	13	13	0	65%	7
58	Tiền Giang	1	1	0	1	1	0	100%	0
59	Trà Vinh	10	0	10	9	9	0	90%	1
60	Tuyên Quang	17	3	14	15	15	0	88%	2
61	Vĩnh Long	8	0	8	8	8	0	100%	0
62	Vĩnh Phúc	67	0	67	67	67	0	100%	0
63	Yên Bái	21	0	21	0	0	0	0%	21

Phụ lục VIII
TỔNG HỢP TRẢ LỜI ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÁNG 01 VÀ THÁNG 02 NĂM 2025
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số TT	Bộ, ngành, địa phương có đề xuất, kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Nội dung trả lời của Văn phòng Chính phủ
I	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Kiến nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính chỉ đạo bổ sung đầy đủ các tiện ích, các trường thông tin, nhóm dịch vụ dùng chung để liên kết giữa các hệ thống với nhau; hỗ trợ kịp thời để các bộ, ngành, địa phương và khắc phục, giải quyết triệt để các lỗi kỹ thuật trên Hệ thống Công dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của Bộ và sẽ nghiên cứu để tiếp tục thực hiện nâng cấp Cổng đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ luôn tích cực hỗ trợ đơn vị chuyên môn của Bộ qua các nhóm trên mạng xã hội để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2.	UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị Văn phòng Chính phủ nghiên cứu cho các địa phương thực hiện việc tiếp nhận giải quyết TTHC trên cùng một Hệ thống Công Dịch vụ công quốc gia, như vậy đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc, tránh các địa phương đầu tư riêng lẻ gây lãng phí.	Thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, Văn phòng Chính phủ đang phối hợp với Bộ Công an thực hiện chuyển dịch hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Cổng Dịch vụ công quốc gia lên Trung tâm dữ liệu quốc gia. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tại Công văn số 8871/VPCP-KSTT ngày 02/12/2024 Văn phòng Chính phủ đang phối hợp với Bộ Công an để triển khai phân hệ cổng dịch vụ công tập trung của Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó thí điểm đối với 80 dịch vụ công trực tuyến và sẽ đánh giá để nhân rộng.
3.	UBND thành phố Huế	Kiến nghị với Văn phòng Chính phủ sớm hỗ trợ địa phương các nội dung vướng mắc tại Công văn số 134/UBND-KSTT ngày 06/01/2025 về việc đề nghị hỗ	- Cổng Dịch vụ công quốc gia đồng bộ thông tin về TTHC (bao gồm: mã TTHC, tên TTHC, mức độ dịch vụ công, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ,

		trợ các nội dung liên quan đến cấu hình đơn vị và phí, lệ phí trên Hệ thống Quản trị Công Dịch vụ công quốc gia.	<i>thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết, mẫu đơn, tờ khai, phí, lệ phí,...)</i> từ dữ liệu TTHC do Bộ, ngành công bố, công khai trên CSDLQG về TTHC. Trong trường hợp có sự khác biệt về quy định giữa quyết định công bố của Bộ, ngành và quyết định công bố của địa phương, đề nghị địa phương gửi văn bản báo cáo Văn phòng Chính phủ và Bộ chuyên môn để rà soát, đối chiếu. - Đối với các đơn vị hành chính mới, Cổng DVCQG đã ghi nhận đầy đủ dữ liệu của các đơn vị hành chính mới do địa phương đồng bộ; đồng thời, kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của địa phương (<i>báo gồm cả các đơn vị hành chính mới</i>) đã được tổng hợp, công khai tại chức năng Xuất báo cáo trên Bản đồ thể chế thuộc phân hệ quản trị của Cổng DVCQG. Về việc trực quan hóa đơn vị hành chính mới trên Bản đồ thể chế, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu địa giới hành chính của các đơn vị hành chính này.
4.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cần phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình. thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến (nhất là các dịch vụ công thiết yếu) sớm hướng dẫn địa phương tạo lập, sử dụng danh mục dùng chung của Công Dịch vụ công quốc gia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; đặc biệt quan tâm nâng cấp nền tảng thanh toán Công Dịch vụ công quốc gia.	- Văn phòng Chính phủ đã ban hành Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, trong đó đã có hướng dẫn Bộ, ngành, địa phương rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo về việc này tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023, Công điện số 131/CĐ-TTg ngày 11/12/2024. Do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu thực hiện. - Văn phòng Chính phủ đã công khai tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục

			hành chính cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Mục Hỗ trợ Bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong đó, đã có hướng dẫn sử dụng các API để lấy dữ liệu các danh mục dùng chung của Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương để nâng cấp Nền tảng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia.
5.		Xem xét giảm trừ tỷ lệ thanh toán trực tuyến của tỉnh đối với các hồ sơ TTHC được miễn thu phí, lệ phí theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định việc miễn thu phí, lệ phí với dịch vụ công trực tuyến khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	Đối với các trường hợp miễn phí, lệ phí theo quy định của HĐND, bên cạnh việc cập nhật đúng mức phí và văn bản quy định phí lệ, phí của HĐND cấp tỉnh trong CSDLQGTTTHC, ĐP cần truyền giá trị mức phí =0 khi thực hiện đồng bộ trạng thái hồ sơ giải quyết TTHC với Cổng DVC quốc gia.
6.		Tiếp tục hỗ trợ địa phương trong việc đồng bộ dữ liệu lên Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo tính chính xác trong việc đánh giá kết quả đạt được của địa phương theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.	Ghi nhận ý kiến của địa phương, Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục hỗ trợ các địa phương trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thực chất, hiệu quả.
7.	UBND tỉnh Ninh Bình	Hiện tại tỉnh Ninh Bình đã hoàn thành việc cập nhật danh mục đơn vị hành chính mới trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định tại Khoản b Điều 15 Quyết định số 31/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hoàn thành việc cập nhật lại mã định danh theo tên đơn vị hành chính mới sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp	Hiện tại, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã ghi nhận đầy đủ dữ liệu của các đơn vị hành chính mới do địa phương đồng bộ. Đồng thời, kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của địa phương (bao gồm cả các đơn vị hành chính mới) đã được tổng hợp, công khai tại chức năng Xuất báo cáo trên Bản đồ thể chế thuộc phân hệ quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

		xã. Tuy nhiên đến thời điểm 18/02/2025, các đơn vị hành chính mới của tỉnh vẫn chưa được cập nhật tọa độ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, làm ảnh hưởng đến việc theo dõi, khai thác, sử dụng dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đặc biệt là việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị Văn phòng Chính phủ khẩn trương hoàn thành việc cập nhật để phục vụ việc theo dõi, khai thác, sử dụng dữ liệu tại địa phương	Về việc trực quan hóa đơn vị hành chính mới trên Bản đồ thể chế, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu địa giới hành chính của các đơn vị hành chính này.
II NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA			
8.	UBND thành phố Cần Thơ	Đề nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ thành phố Cần Thơ điều chỉnh địa giới hành chính trên bản đồ thể chế theo Bộ chỉ số tại Quyết định số 766, bảo đảm phù hợp Nghị quyết số 1192/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2023 - 2025 (cụ thể: quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã nhập phường An Phú, phường An Nghiệp, phường An Cư vào phường Thới Bình); nhằm ghi nhận chính xác tỷ lệ các chỉ tiêu của thành phố Cần Thơ tại Bộ chỉ số theo Quyết định số 766.	Hiện tại, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã ghi nhận đầy đủ dữ liệu của các đơn vị hành chính mới do địa phương đồng bộ. Đồng thời, kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của địa phương (bao gồm cả các đơn vị hành chính mới) đã được tổng hợp, công khai tại chức năng Xuất báo cáo trên Bản đồ thể chế thuộc phân hệ quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia. Về việc trực quan hóa đơn vị hành chính mới trên Bản đồ thể chế, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu địa giới hành chính của các đơn vị hành chính này.
9.	UBND tỉnh Lào Cai	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ chỉ đạo đơn vị liên quan hỗ trợ tỉnh Lào Cai trong việc hiện thị kết quả thực hiện trên Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công	Hiện tại, Cổng DVCQG đã ghi nhận đầy đủ dữ liệu của các đơn vị hành chính mới do địa phương đồng bộ; đồng thời, kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của địa phương (bao gồm cả các đơn vị hành chính mới) đã được tổng hợp, công

		cụ thể: xã Phúc Khánh – huyện Bảo Yên nhóm chỉ số thanh toán trực tuyến của xã từ năm 2024 đến nay đều hiển thị 0% (màu xám), trong năm số hồ sơ phát sinh đều được thanh toán trực tuyến.	khai tại chức năng Xuất báo cáo trên Bàn đồ thể chế thuộc phân hệ quản trị của Cổng DVCQG. Về việc trực quan hóa đơn vị hành chính mới trên Bàn đồ thể chế, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu địa giới hành chính của các đơn vị hành chính này.
10.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Hiện tại Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã cung cấp dữ liệu cụ thể của các các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã để địa phương theo dõi, đánh giá. Đề nghị cung cấp dữ liệu bộ Chỉ số đến từng phòng, ban của UBND cấp huyện và điều chỉnh Quyết định 766/QĐ-TTg để quy định cụ thể cách tính điểm Bộ Chỉ số của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các phòng, ban của UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Văn phòng Chính phủ đã trả lời kiến nghị này của tỉnh Khánh Hòa tại Văn bản số 12/BC-VPCP ngày 02/01/2024, đề nghị Tỉnh nghiên cứu thực hiện.
11.	UBND tỉnh Bến Tre	Kính đề nghị VPCP xem xét điều chỉnh điểm và tỷ lệ của “ <i>Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị</i> ”- Nhóm chỉ số mức độ hài lòng tháng 02/2025 của tỉnh Bến Tre.	Cổng Dịch vụ công quốc gia tính toán, tổng hợp, phân tích tự động Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu do Bộ, ngành, địa phương đồng bộ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, Hệ thống cung cấp dịch vụ công tập trung của Bộ, ngành lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Do đó, đề nghị địa phương thực hiện đồng bộ dữ liệu theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ (Tài liệu kỹ thuật công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Tài liệu tập huấn, Công văn số 9213/VPCP-KSTT ngày 14/12/2024,...) để được ghi nhận đúng, đủ.

12.	UBND tỉnh Cao Bằng	Theo số liệu Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp DVC, trong tháng 01/2025 tỉnh Cao Bằng có 17.111 hồ sơ chưa đồng bộ (<i>chiếm tỷ lệ 65,7% tổng số hồ sơ tiếp nhận</i>). Kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, bổ sung chức năng tra cứu các hồ sơ chưa đồng bộ lên cổng DVCQG, để địa phương tra cứu, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị khắc phục.	Cổng Dịch vụ công quốc gia đã ghi nhận đầy đủ dữ liệu được đồng bộ thành công từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, Hệ thống cung cấp dịch vụ công tập trung của Bộ, ngành lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Do đó, đề nghị địa phương chủ động xây dựng công cụ để theo dõi, thực hiện đồng bộ đầy đủ các hồ sơ chưa đồng bộ thành công.
13.	UBND tỉnh Long An	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ điều chỉnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia đối với 02 nội dung: tại dữ liệu được xuất ra trên Cổng dịch vụ công quốc gia (trang quản trị), có 02 đơn vị không được tính điểm đầy đủ theo Bộ chỉ số 766 tại chỉ tiêu "Mức độ hài lòng" là xã Long Thạnh (huyện Thủ Thừa), thị trấn Tân Thạnh (huyện Tân Thạnh). Tại bản đồ thể chế trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đối với chỉ tiêu "Thanh toán trực tuyến" không hiển thị đơn vị thị trấn Tân Thạnh (huyện Tân Thạnh).	Hiện tại, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã ghi nhận đầy đủ dữ liệu của các đơn vị hành chính mới do địa phương đồng bộ. Đồng thời, kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của địa phương (bảo gồm cả các đơn vị hành chính mới) đã được tổng hợp, công khai tại chức năng Xuất báo cáo trên Bản đồ thể chế thuộc phân hệ quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia. Về việc trực quan hóa đơn vị hành chính mới trên Bản đồ thể chế, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu địa giới hành chính của các đơn vị hành chính này.
14.	UBND tỉnh Sơn La	Đề nghị Văn phòng Chính phủ có giải pháp kỹ thuật để quá trình đồng bộ kết quả giải quyết TTHC diễn ra theo thời gian thực, đồng thời có công cụ hỗ trợ địa phương theo dõi, xử lý chính xác các hồ sơ quá hạn, chậm hạn theo Bộ Chỉ số theo Quyết định 766/QĐ-TTg trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Hiện tại, dữ liệu do địa phương đồng bộ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được ghi nhận theo thời gian thực tại phân hệ quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia. Dữ liệu này sẽ được tự động phân tích để tính toán Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp với tần suất 01 lần/tuần. Đối với các hồ sơ quá hạn đang xử lý, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã có chức năng thống kê tại Bản đồ thể chế. Đối với hồ sơ quá hạn đã xử lý, Cổng Dịch vụ công quốc gia cung cấp danh sách thông qua chức năng Hỗ trợ tại phân hệ quản trị.

III	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
15.	UBND tỉnh Sơn La	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ nâng cấp, bổ sung thêm chức năng của hệ thống đăng nhập cơ sở dữ liệu về TTHC trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Cho phép xóa và chuyển TTHC đã công khai từ Quyết định cũ sang Quyết định mới, hiện nay chỉ có chức năng xóa Quyết định đã công khai, khi có thay đổi sẽ phải kéo lại từng TTHC rất mất thời gian trong việc cập nhật.	Thiết kế chức năng trên CSDLQGTTTHC được thực hiện bảo đảm tuân thủ quy trình cập nhật, thêm mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC được Quy định tại Chương III Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg. Đề nghị UBND tỉnh Sơn La nghiên cứu kỹ quy trình để thực hiện.
16.	UBND thành phố Huế	Đề nghị Văn phòng Chính phủ bổ sung thêm trường thông tin về thời gian công khai Quyết định công bố của Bộ, ngành Trung ương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc tra cứu Quyết định công bố mới ban hành. Hiện nay, trên Cổng Dịch vụ công quốc gia chỉ hiển thị thông tin theo thời gian ký ban hành Quyết định công bố khó khăn cho địa phương trong quá trình cập nhật, ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC liên quan.	Thông tin về thời điểm công bố, công khai TTHC, địa phương theo dõi tại Danh mục TTHC của Bộ, cơ quan trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.
17.	UBND tỉnh Đắk Nông	Ngày 31/10/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1328/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục TTHC bãi bỏ một số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Đắk Nông (trong đó, bãi bỏ 759 TTHC) và đã đề nghị Bộ phận kỹ thuật của Cổng Dịch vụ công quốc gia hỗ trợ xóa bỏ số TTHC tại Quyết định nêu trên; đồng thời, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Công văn số 826/UBND-NC ngày 14/02/2025 về việc đề nghị hỗ trợ xóa bỏ TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia liên quan đến tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên đến nay, Văn phòng Chính phủ	Qua kiểm tra, các TTHC này trước đây được UBND tỉnh Đắk Nông công bố địa phương hóa đều là các TTHC không được giao địa phương quy định chi tiết. Hiện tại, VPCP đã phân quyền cho cán bộ phụ trách của địa phương và hướng dẫn để thực hiện quy trình xóa bỏ TTHC.

		chưa được hỗ trợ tỉnh Đắk Nông xóa bỏ số TTHC dôi dư nêu trên, dẫn đến ảnh hưởng Chi số Công khai minh bạch của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông kính đề nghị VPCP hỗ trợ xóa bỏ số lượng TTHC trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định nêu trên.	
18.	UBND tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung thêm chức năng tra cứu đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC: Tại mục “Tìm kiếm nâng cao” của Danh sách TTHC của Thủ tục hành chính, Danh sách TTHC của Thủ tục hành chính nội bộ, đề nghị bổ sung thêm chức năng tra cứu theo “khoảng thời gian” để thuận tiện hơn trong việc thống kê, báo cáo (<i>hiện Cơ sở dữ liệu mới cho tìm kiếm theo các thông tin của thủ tục hành chính như: mã số, lĩnh vực, cấp thực hiện, Quyết định công bố, cơ quan công bố, tình trạng TTHC, loại TTHC, cơ quan thực hiện, đối tượng thực hiện, ngày Quyết định, TTHC đủ điều kiện mức độ Dịch vụ công</i>).	Tại mục Tìm kiếm nâng cao (Danh mục TTHC) đã có tùy chọn tìm kiếm theo ngày cập nhật (Từ ngày...đến ngày).
19.	UBND tỉnh Nghệ An	Hỗ trợ tỉnh Nghệ An trong việc xử lý trạng thái hồ sơ thi nâng ngạch công chức và các hồ sơ khác theo đúng thời gian giải quyết: Trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đang công khai thủ tục thi nâng ngạch công chức theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ mà chưa công khai Quyết định số 922/QĐ-BNV ngày 17/12/2024 dẫn đến địa phương chưa có cơ sở cập nhật, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Hơn nữa, có sự lệch nhau về thời gian giải quyết, thời điểm tính	Văn phòng Chính phủ sẽ đôn đốc Bộ Nội vụ cập nhật, công khai các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Trên cơ sở đó, các địa phương sẽ thực hiện địa phương hóa các TTHC này để tổ chức triển khai tại địa phương.

		thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính đã hết hiệu lực theo Quyết định số 1065/QĐ-BNV với thời gian giải quyết, thời điểm tính thời hạn giải quyết của TTHC theo Quyết định số 922/QĐ-BNV dẫn đến hơn 300 hồ sơ thi nâng ngạch công chức của tỉnh đang phải nộp theo mã số thủ tục hành chính cũ của Quyết định số 1065/QĐ-BNV và bị tính trạng thái là “quá hạn”. Do đó, kính đề nghị Văn phòng Chính phủ, cơ quan quản trị kỹ thuật của Công Dịch vụ công quốc gia hỗ trợ địa phương trong việc xử lý trạng thái hồ sơ thi nâng ngạch công chức theo đúng về thời gian giải quyết, thời điểm tính thời hạn giải quyết của TTHC chính theo Quyết định số 922/QĐ-BNV.	
IV	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
20.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hệ thống phản ánh kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia: Không thống kê được số liệu theo lĩnh vực; kết quả công khai các PAKN không thống kê riêng được các PAKN của bộ, ngành và địa phương; không hiện thời gian công khai trên giao diện của danh mục công khai (công chức phải truy cập từng PAKN để rà soát, thống kê, đếm thủ công, tách từng PAKN của tỉnh và của Bộ); không thống kê tách riêng được các loại hình phản ánh kiến nghị theo “quy định hành chính” và “hành vi hành chính”; một số PAKN bị treo, ẩn khiến đơn vị chuyên môn không nhìn thấy trên tài khoản của đơn vị để xử lý; tên của các đơn vị thuộc Bộ xuất hiện lặp lại nhiều lần (ảo) trong danh mục chọn phân công đơn vị xử lý PAKN, dẫn đến tình trạng ân PAKN. Do đó, đề nghị điều chỉnh các	Ghi nhận ý kiến của Bộ để nâng cấp Hệ thống Phản ánh kiến nghị trong thời gian tới.

		mục chức năng “tiếp nhận PAKN”, “xử lý PAKN” “công khai PAKN”, “trả lại PAKN”; khắc phục các lỗi về “tra cứu”, “báo cáo thống kê” tại địa chỉ https://pakn.dichvucong.gov.vn/ đảm bảo đúng chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm và thống nhất số liệu báo cáo để phân loại chính xác số PAKN theo lĩnh vực được phân công xử lý hoặc theo phân loại quy định hành chính hay hành vi hành chính.	
21.	Bộ Y tế	Đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, bổ sung tính năng tổng hợp thông tin chi tiết từng phản ánh kiến nghị khi trích xuất báo cáo tổng hợp định kỳ hoặc đột xuất trên trang pakn.dichvucong.gov.vn , theo đó thuận tiện trong quá trình quản lý, theo dõi trạng thái xử lý và truy xuất thông tin nếu cần.	VPCP trân trọng cảm ơn ý kiến của Quý Bộ và sẽ nghiên cứu, bổ sung chức năng liên kết đến nội dung chi tiết của từng PAKN trên hệ thống
22.	UBND Thành Phố Hồ Chí Minh	Kiến nghị điều chỉnh thời gian tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị đang giải quyết trên hệ thống phản ánh, kiến nghị quốc gia trong giai đoạn sắp xếp tổ chức bộ máy. Khắc phục lỗi (không báo tin nhắn đến, báo tin nhắn lỗi về thời gian,...) qua hệ thống SMS đến người có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý PAKN.	Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia đã được thiết kế bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Do đó đề nghị địa phương thực hiện theo đúng quy định, bảo đảm không gián đoạn việc xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Hiện tại hệ thống PAKN đã cấp quyền đầy đủ cho cơ quan, cán bộ phụ trách theo dõi hồ sơ, tiến độ xử lý PAKN. Đề nghị địa phương nghiên cứu thực hiện.
V	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TTHC NỘI BỘ		
23.	UBND tỉnh Bắc Kạn	Đề nghị Văn phòng Chính phủ tham mưu ban hành thể chế riêng quy định về việc thực hiện TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của địa phương và sẽ nghiên cứu, tham mưu cho cấp có thẩm quyền vào thời điểm phù hợp. Trước mắt, đề nghị các địa phương thực hiện theo

			quy định tại Điều 9 Nghị định 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ.
VI	NHÓM NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN		
24.	UBND các tỉnh, thành phố: Bắc Kạn, Bến Tre, Khánh Hòa, Bình Phước, Cà Mau, Hải Dương, Lai Châu	Tiếp tục đơn đốc, nhắc nhở các bộ, ngành Trung ương chuẩn hóa việc công bố TTHC; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác nội dung các TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC; khắc phục tình trạng cập nhật chậm trễ, không đầy đủ mã số TTHC được công bố tại các Quyết định công bố TTHC dẫn đến không thể công khai TTHC đúng hạn, ảnh hưởng đến kết quả đánh giá Chi số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh.	Ghi nhận ý kiến của địa phương, Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục đơn đốc các Bộ, ngành đảm bảo thực hiện việc công bố, công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 25 Nghị định 63/2010/NĐ-CP (<i>sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 92/2017/NĐ-CP</i>).
25.	Bộ Tư pháp và các địa phương: An Giang, Bình Dương, Khánh Hòa, Lạng Sơn,...	Đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, địa phương nội dung về thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính và chuyển giao công tác giải quyết thủ tục hành chính trong điều kiện thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước hiện nay.	Văn bản số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.
26.	UBND tỉnh Hải Dương	Văn phòng Chính phủ có hướng dẫn địa phương thực hiện các chỉ tiêu 11.5; 11.8; 11.9 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ để địa phương có giải pháp triển khai thực hiện.	- Đối với mục 11.5: Đề nghị địa phương nghiên cứu kỹ Văn bản số 9213/VPCP-KSTT ngày 14/12/2024 của Văn phòng Chính phủ để thực hiện. - Đối với mục 11.8, 11.9: Tại Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ đã giao VPCP hoàn thiện trình Chính phủ ban hành trong Quý II/2025 chương trình cắt giảm giấy phép tại các Bộ, ngành, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030. Do đó, Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của địa phương để nghiên cứu, triển khai thực hiện

27.	UBND tỉnh Sơn La	Đề nghị Cục Kiểm soát thủ tục hành chính nghiên cứu, tham mưu sửa đổi Điều 08 thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính qua đó phân cấp cho Giám đốc, lãnh đạo các sở, ban, ngành phê duyệt quy trình nội bộ TTHC để đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ và nâng cao trách nhiệm, hiệu quả, kịp thời trong việc xây dựng quy trình nội bộ TTHC.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu, tham mưu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.
-----	---------------------	---	--